

NGỘ ĐẠO ĐẤT TRỜI

Tràm Cà Mau

LTS: Nhận thấy bài viết có nhiều tư tưởng rất gần gũi với nhân sinh quan Phật giáo cũng như quan điểm bài xích, những tập quán lỗi thời trong đời sống hằng ngày của chúng ta, chúng tôi mạn phép tác giả Tràm Cà Mau đăng lại bài viết này như là một nỗ lực để cải tiến đời sống con người ngày một tốt đẹp hơn. Bài viết này được đăng trong tạp chí Văn Học số 207, phát hành tại Hoa Kỳ.

Ông Tư bị ung thư và biết chắc không thể sống lâu hơn sáu tháng. Ông bình tĩnh chờ cái chết, và vui vẻ sống những ngày ngắn ngủi còn lại, mà không bi ai, không sợ hãi. Ông muốn sau khi chết, gia đình làm đám tang theo ý riêng của ông. Bà vợ nghe dặn dò cách thức làm đám tang kỹ dị, thì nói giọng buồn, với đôi mắt cầu khẩn:

- Em nghe nói ngày xưa ở Huế, người đàn bà đầu tiên đi xe đạp, bị cả thành phố phỉ nhổ, xem như là Me Tây, như kẻ phá hoại phong hóa nơi đất thần kinh. Cho đến khi chiếc xe gắn máy hiệu "Velo solex" ra đời, người đàn bà đầu tiên sử dụng cũng bị xem như là thứ côn đồ, cao bồi du dương, chẳng ai dám giao du thân mật. Đến như bà Thu, vốn là một công chúa, dù là con của vị phế đế, là người đàn bà có xe hơi, và lái xe hơi đầu tiên ở Huế, cũng bị thiên hạ nghi ngờ oan ức đến cái đức hạnh của bà, mà suốt đời không kiếm được một tấm chồng. Thế mà bây giờ, anh bảo em làm đám tang khác thiên hạ, không giống ai, thì chịu sao nổi lời tiếu đàm của bà con, họ hàng!

Ông Tư cười, nhìn vợ và nói:

- Cái gì cũng phải có khởi đầu, có người làm trước, về sau thiên hạ thấy hay mà làm theo. Không ai khởi đầu cả, thì làm sao có tiền lệ để mà bắt chước? Thời trước nếu không có cô, bà nào dám tiên phong leo lên xe đạp, thì bây giờ đàn bà đi bộ cho rã cẳng ra. Ngày này, còn có ai xỉ xăm khi thấy các cô, các bà đi xe đạp, xe gắn máy và lái xe hơi đâu?

- Sao anh bắt em phải làm cái việc khác đời, cho tội cho nghiệp em. Em đâu phải là hạng người thừa gan dạ, để có thể phớt lờ dư luận, khen chê của thế gian?

Ông Tư trả lời với giọng rất bình tĩnh:

- Chỉ là ước mong nhỏ nhoi cuối cuộc đời của nhà, mà em cũng không giúp anh được sao? Ai có nói gì, thì em cứ bảo đó là ý nguyện của anh trước khi chết. Mà có lẽ, mọi người đều biết anh muốn như vậy, em khỏi cần phải giải thích cho ai. Em không làm theo ý nguyện, anh chết không nhắm mắt, làm sao linh hồn siêu thoát? Như thế, em không sợ anh về quấy phá em mãi sao?

Nghe đến đây, thì bà Hoa tái mặt. Bà vốn sợ ma, sợ người chết, sợ bóng tối, sợ sự thiêng liêng. Bây giờ ông chồng còn sống, bà có thể lấn áp, bắt nạt ông được, chứ sau khi ông chết rồi, thì bà phải chịu thua, phải sợ ông. Ông Tư biết tính vợ, nên đem ma quỷ ra mà dọa trước, may ra sau khi chết, thì bà chịu theo lời ước nguyện của ông.

Nếu có ai biết ông Tư đang cận kề cái chết mà ái ngại cho ông, thì ông cười vui mà an ủi họ - chứ không phải là họ an ủi ông - rằng, nếu tin theo đạo Chúa, thì khi chết được về thiên đàng, ngồi dưới chân Chúa, sung sướng thế sao mà ai cũng sợ chết? Nếu theo đạo Phật, thì khi chết cũng sẽ về Tây Phương Cực Lạc, vĩnh cửu an bình, thì mừng vui chứ sao lại bi ai? Và nếu nói theo Đức Đạt Lai Lạt Ma, thì cái xác thân ở trần gian, có thể ví như bộ áo quần ta mang, khi nó đã sờn cũ, xấu xí, rách rưới mục nát rồi, thì nên bỏ đi, mà mang bộ áo quần khác, đại ý nói đi đầu thai kiếp khác, mang thân xác mới hơn. Ông Tư nói với bạn rằng, thân xác ông bây giờ như cái quần đã mục mòng, rách đấy, không còn che được cái muốn che, thì phải bỏ đi, không sài nữa là hơn. Bởi vậy, ông bình tĩnh đón chờ cái chết cận kề. Khi biết ông bị ung thư sắp chết, thì phút đầu tiên, ông lặng người đi. Nhưng rất mau sau đó, ông nghĩ ra rằng bây giờ chỉ còn hai con đường để lựa chọn. Một là rầu rĩ bi ai, than thân trách phận, oán thán trời đất, làm cho những ngày ngắn ngủi còn lại trở

thành u ám, khổ sở, muộn phiền. Hai là bình tĩnh chấp nhận điều không thể tránh được với thái độ tích cực, lạc quan, vui vẻ. Làm cho những ngày còn lại thành tươi vui, tốt đẹp và ý nghĩa hơn. Khi ra đi sẽ không có chút tiếc thương vướng bận. Ông chọn con đường sau, nên không buồn bã, không hoang mang, không bi ai. Ông thấy cuộc đời bỗng đáng yêu hơn, đẹp hơn. Ông mở lòng vui vẻ đón nhận từng thời khắc, từng ngày còn lại. Mỗi sáng dậy, ông ca hát nhạc vui, và nói chuyện khôi hài cùng vợ con. Ông cố làm đẹp lòng mọi người, vì ông nghĩ rằng, sau khi nhắm mắt nằm xuống, thì dù có muốn từ tế với những người thân thương, cũng không còn làm được nữa. Ban đầu, vợ con, gia đình, ai cũng ái ngại, nên cứ xử tế nhị, dè dặt, gương nhẹ với ông. Về sau, thấy thái độ bình tĩnh của ông, mọi người quên đi chuyện ông sắp xa lìa cõi đời này, mà cư xử với ông không khác gì người bình thường. Đôi khi bị vợ gắt gỏng, bị con giận hờn, bị bạn bè to tiếng, ông không buồn giận, mà cảm thấy tức cười, và thấy thương họ hơn.

Ông Tư dặn thêm vợ rằng đừng đăng báo, không đăng cáo phó gì cả. Đừng làm rộn, bận trí bà con gần xa, buộc họ phải thăm viếng. Không nên để phiền ai phúng điếu chia buồn. Ông đưa tờ báo cho bà, và nói:

- Em nhìn vào mấy cái cáo phó này, đọc thấy buồn cười: "Chúng tôi đau đớn báo tin cho thân bằng quyến thuộc: Ông Nguyễn Văn Mỗ đã được Chúa gọi về vào ngày, tháng, năm, hưởng thọ 82 tuổi..." Được Chúa gọi thì phải vui mừng, sung sướng, chứ sao lại đau đớn báo tin? Về với Chúa là khổ lắm sao? Có đi tù cải tạo đâu mà đau buồn? Đáng ra phải cáo phó bằng câu: "Chúng tôi hoan hỉ báo tin cùng thân bằng quyến thuộc rằng, Ông Nguyễn Văn Mỗ đã được Chúa gọi về vào ngày, tháng, năm..." Và đây, một cáo phó khác cũng "khóc báo" với thân bằng quyến thuộc là thân nhân chúng tôi đã về cõi Phật. Về cõi ma vương quỷ sứ mới khóc báo, chứ về cõi Phật, sướng quá, mà khóc cái nỗi gì?"

Bà Hoa nhăn mặt nói:

- Anh đừng chi li bắt bẻ từng câu từng chữ. Đó là một lối nói thôi. Vì có ai biết chắc đi về đâu mà dám vui, buồn. Nhưng cứ cho là về thiêng đàng, cực lạc, về với Chúa Phật, cho người sống an lòng. Không lẽ báo tin ông nội được quỷ sứ rước đi rồi. Dù sống có gian ác đến đâu, khi chết cũng có quyền hy vọng về nơi lạc phúc, bình an.

Ông Tư lắc đầu nói tiếp:

- Em có thấy ông cụ Trương nằm liệt giường hai năm, không cử động được, như bị hành hình, cả nhà lao đao lặn lội chăm sóc. Hai vợ chồng bác Thu con cụ, vì khổ nhọc quá, gây gổ nhau, gia đình suýt tan vỡ. Khi cụ mất, cả nhà thờ phào sung sướng cho cụ, và cho mọi người trong gia đình. Thế mà khi cáo phó, cũng đau đớn báo tin. Bà con bạn bè đang báo chia buồn, cũng là vô cùng thương tiếc, vô cùng đau đớn. Tang gia mừng, mà bà con lại chia buồn. Bà con muốn cụ nằm đó mãi, để khổ thân cụ, khổ con cháu cụ lâu dài hơn nữa hay sao? Hay là họ không phải khổ cực chăm sóc cụ, không phải đau lòng khi thấy cụ nằm liệt ra đó, nên cụ chết họ buồn đau? Bởi thế, khi anh chết, anh không muốn cáo phó, không muốn ai phân ưu chia buồn. Chết cũng là một tiến trình của tự nhiên của trời đất, thì có chi mà phân ưu, chia buồn. Có ai sống mãi được?

Bà Hoa không đồng ý, nói lớn:

- Mất mát nào không đau buồn? Dù biết rằng, ông cụ Trương chết là thoát được khổ đau đang hành hạ. Nhưng khi cụ mất, cả nhà cũng buồn vì mất cụ, mà vui vì cất đi được gánh nặng, bớt được mối thương tâm khi thấy người thân yêu của mình khổ cực năm đó.

- Thế thì khi cụ mất, chắc chắn cả nhà vui nhiều hơn buồn, mừng nhiều hơn tiếc. Không ai dám nói mừng khi thấy thân nhân mình chết, vì sợ thiên hạn hiểu lầm, đàm tiếu. Thế thì đừng giả dối, nói là đau đớn, tiếc thương, mất mát. Mất cái gì mới ngại, chứ mất cái khổ đau hành hạ, thì cầu cho mất sớm, mất đi càng nhiều càng mau, càng tốt. Anh nghe nói người Lào có quan niệm rất hay về lẽ sống sự chết. Khi trong gia đình có người chết, họ không bao giờ khóc lóc rầu rĩ, mà bình tĩnh an nhiên, chắc rằng họ đã thấm nhuần cái lẽ thâm sâu của Phật giáo, biết chết là giải thoát, rũ sạch nợ đời.

Bà Hoa hỏi:

- Hay là đời sống dân họ đau khổ lắm than quá, nên chết đi là khỏe chẳng? Chết là hết lo cơm áo, khỏi đói khát bệnh tật?

Bà Hoa nghĩ là ông Tư không thương bà đủ nhiều, nên cứ thân nhiên trước cái chết cận kề. Bà không biết làm sao chịu nổi cảnh cô đơn khi sống thiếu ông trên đời. Ông Tư thường nói với bạn bè rằng, rồi ai cũng phải chết. Không chết sớm thì chết muộn. Không chết lúc ba bốn mươi, thì bảy tám chín chục tuổi cũng phải chết. Cuộc đời, có thể ví như một đêm, không đi ngủ. Nếu đêm không vui, thì tội gì không đi ngủ sớm cho khỏe, mà phải thức để

nổi buồn gặm nhấm. Nếu đêm nay đau răng thì cố thức làm gì, ngủ sớm đi mà quên đau. Nhiều người sống với thái độ như sẽ không bao giờ chết, cho nên tích tụ của cải, bao nhiêu cũng không vừa, làm nhiều điều không đúng, không phải. Bởi vậy, khi biết mình sắp chết, thì hốt hoảng khóc lóc, bi ai, mà vẫn không tránh được. Nhiều vị vua chúa đời xưa cũng muốn sống đời, nên uống thuốc trường sinh, mà ngộ độc chết sớm. Còn gia đình, thì thời gian đầu thấy thiếu vắng, mất mát, nhưng rồi sau cũng quen dần, vì phải lo lắng nhiều công việc khác trong một cuộc sống bình thường, không còn có thì giờ mà tiếc thương, mà bi ai. Phần người chết, buông tay là xong tất cả, bình yên vĩnh viễn. Không còn phải lo công việc làm ăn, lo cơm áo gạo tiền, không còn lo làm giàu, lo tích trữ của cải, không còn ghen tuông, giận hờn, không còn phải thức khuya học hành, hoặc viết văn làm thơ mệt nhọc, không còn theo đuổi mộng lớn mộng bé, không ưu tư dằn vặt vì thời thế, vì đất nước, quê hương... Bỏ hết. Tất cả cũng chỉ là tro bụi. Thiên hạ còn ngưỡng mộ, còn khen ngợi những anh hùng liệt sĩ trong lịch sử, nhưng chính các người này có còn biết gì nữa đâu? Cũng là một mớ xương khô mục nát, đâu có nghe, có cảm xúc, hân hoan, vui thú gì. Có ca ngợi, nhắc nhở thì để các thế hệ con cháu về sau noi gương người đi trước mà gìn giữ quê hương, mà sống cho đàng hoàng, cho nên người, đường làm việc xấu xa dễ tiện.

Ông Tư dặn vợ làm một đám tang đơn giản, không mở nắp hòm cho bạn bè thăm viếng nhìn mặt. Hát nhạc vui trong tang lễ, không khóc lóc, mà vui cười tự nhiên. Sau khi thiếu xong thì gởi tro xương về quê nhà, đừng xây mộ, đừng đắp bia. Bà Hoa thì chỉ muốn làm giống như tất cả mọi người. Ai làm sao mình làm vậy trong khả năng tài chánh của gia đình. Bà không muốn làm khác ai, để họ có thể dị nghị, bàn ra nói vào, thêm thất thểu. Nhưng bà cũng không nỡ từ chối ước nguyện cuối cùng của ông. Hai người con của ông bà, đứa con gái đầu thì tán thành, muốn làm theo ý kiến của bố, đứa con trai phản đối, vì sợ thiên hạ chê cười. Ông nói với con: "Con nên vì bố, không nên vì thiên hạ." Ông Tư xin nghỉ việc, đi thăm bà con họ hàng, đến đâu ông cũng nói chuyện khôi hài, vui vẻ, nong nân với bạn bè bà con, thức đêm, uống rượu, hát hò, ngâm thơ, ăn uống không kiêng cử. Theo ông, thì kiêng cũng chết, mà không kiêng cũng chết, chết sớm hơn vài tháng, vài tuần, cũng chẳng nghĩa lý gì. Còn chẳng bao lâu nữa, kiêng cử làm chi cho khổ thân, cho đời mất đi một phần ý vị. Ông cho

rằng, đã sống đến trên năm mươi tuổi là quá lười, quá đủ, không có gì để nuối tiếc. Thấy ông tươi vui, người biết ông có bệnh sắp chết, cũng quên mất là ông đang bệnh, người không biết bệnh trạng của ông, thì ông cũng không muốn nói ra làm gì. Ông đưa bà và hai con đi một chuyến trên du thuyền. Ông tham gia các cuộc chơi tập thể trên du thuyền như hát hò, nhảy múa ca hát, tham gia các buổi hòa nhạc, uống rượu, cho đến khi mất cuộc. Ông vui vẻ, bình tĩnh đến nỗi nhiều khi bà quên mất vợ chồng không còn bên nhau bao lâu nữa.

Ông Tư chuẩn bị tinh thần cho vợ, cho con, để chấp nhận một sự thực không tránh được. Chấp nhận với sự bình tĩnh, sáng suốt, không vui vẻ nhưng không bi ai. Có người nói như ông Tư nghe về kinh nghiệm của những kẻ đã chết thật rồi, mà sống lại nhờ sự màu nhiệm nào đó. Rằng khi chết, thì thấy mình đi và một vùng ánh sáng lạ, rất hân hoan sung sướng, khoái cảm tràn trề. Bởi vậy, nên người đã trải qua cận tử, thì không còn sợ chết nữa, mà đón nhận như là một ân huệ của trời đất. Ông Tư không tin chuyện cận tử, vì ông vốn con người thực tế và lý trí, cái gì chưa kiểm nghiệm được thì chưa tin. Nhưng cho rằng, nếu được như vậy thì càng tốt. Nếu không được vậy, thì cũng thôi.

Cuộc đời ông Tư đã trải qua nhiều giai đoạn sướng khổ. Chưa xong đại học thì bị kêu đi lính, tham dự những trận chiến kinh hoàng, ngày đêm trấn đóng nơi ma thiêng nước độc, đã từng bị bắt làm tù binh, đã vượt ngục. Khi miền Nam thua trận, phải đi tù nhiều năm. Đã sống trong chế độ hà khắc kìm khóp, bữa đói bữa no. Đã đi qua biển tìm tự do. Và ước nguyện rằng, được sống thêm một ngày trong xứ tự do, thì có chết cũng không có gì tiếc nuối. Thế mà ông đã sống thêm được nhiều năm trong một xã hội có tự do, dân chủ. Con người được pháp luật bảo vệ, tôn trọng. Ông biết ơn trời đất đã cho ông cái phần thưởng vô cùng quý giá đó trong nhiều năm qua.

Ông Tư chỉ là một người bình thường, có đủ cả tốt xấu. Có chút rượu chè, nhưng không ghiền và say sưa. Khi vui bạn vui bè, thì ai đến đâu, ông đến đó. Ông hòa đồng cùng đám đông. Thỉnh thoảng ăn nhậu chút, từ xì phé, bài cào, cờ tướng, cờ vua, đi sông bãi. Nhiều khi ông xoa mặt chườm cùng bạn bè, một mạch từ sáng thứ bảy cho đến chiều Chủ Nhật mới thôi, ai về nhà nấy để chuẩn bị cho ngày đi làm vào thứ hai. Ông không mê, không lạm, biết dừng lại đúng lúc, không phải khi thua cờ bạc thì nóng mặt cổ gờ, và gờ cho đến bán nhà. Trai gái ông cũng có, nhưng không

làm hại đến ai, biết giới hạn của cuộc chơi. Không làm khổ vợ con, không gây khổ đau cho người khác phái. Thuốc lá, cà phê hàng ngày, ông không ghiền, nhưng cũng không bỏ hút thuốc. Ông Tư còn có chút màu nghệ sĩ. Ông thổi kèn hắc tiêu rất đạt, nên lâu lâu theo người bạn Mỹ gốc Phi Châu đến các hộp đêm thổi kèn chơi, không lấy thù lao. Ông có chân trong một ban nhạc tài tử, lâu lâu đi trình diễn ở các nơi công cộng. Ông Tư có sáng tác vài bản nhạc, nhưng không ai hát, và hát không ai nghe, không ai khen, nên ông không sáng tác nữa. Ông Tư cũng thích đọc truyện, đọc thơ. Ông cũng có làm thơ, nhưng bà Hoa là vợ ông, khuyên đừng để cho ai biết những bài thơ đó do ông viết, vì người sợ người ta cười lây cả bà. Ông nghe vợ chê, nản lòng, không muốn làm thơ nữa. Tuy nhiên, có nhiều khi cao hứng, không cảm được cảm xúc, ông cũng làm thơ chơi, và giấu kín, vì sợ vợ đọc được chê bai.

Một người bạn của ông Tư cũng thích thơ phú, thường cùng ông ngâm vịnh khi nhàn tản, một hôm nghe ông nói về quan niệm cuộc đời, lẽ sống và cái chết. Ông này ngồi nghe mà dờ ra, và nói:

- Bác chờ chút, tôi lục tìm bài thơ của một ông bạn tôi, sao mà ý tưởng của bác với ông kia trùng nhau, như cùng học một sách. Kỳ lạ ghê. Lần đầu đọc bài thơ này, tôi khoái quá, phải xin ông bạn cho tôi mượn, chạy ra phố, chụp lấy một bản, còn cất giữ đây.

Ông Tư cầm lấy bài thơ dài, vừa đọc vừa gật gù, đọc xong ông vỗ đùi sung sướng nói:

- Tuyệt. Hoàn toàn giống hệt suy nghĩ của tôi. Bác đem tôi đến giới thiệu tác giả bài thơ này đi. Bác xem đây, đâu phải một mình tôi suy nghĩ khác đời đâu. Có nhiều người cùng một ý nghĩ, nhưng không dám nói ra, không dám thi hành. Đúng như cụ Nguyễn Công Trứ có viết là chỗ ta ngồi hiện tại, người xưa đã ngồi rồi. Tôi đốt chữ Hán, nhớ mang máng hình như là "Ngã kim nhật tọa chi địa, cổ chi nhân tàng tiền ngã tọa chi". Mấy ông Tây cũng từng viết là dưới ánh mặt trời này, không có cái gì mới cả. Những suy nghĩ của tôi về cái chết, sự sống, người xưa cũng đã viết nhiều, tàng ẩn bằng bạc trong kinh Thánh, kinh Phật. Ngày xưa khi còn nhỏ, bố mẹ tôi gởi tôi vào học nội trú trường đạo Thiên Chúa, mỗi ngày mỗi đêm đều đọc kinh Thánh. Hồi đó tôi không hiểu hết ý nghĩa của kinh, tôi tưởng làm đọc kinh là ngày đêm kêu gào sự xót thương của Chúa. Tuổi trẻ ngu muội và ngông

cuồng nên tôi không có cảm tình với chuyện kinh kệ, nhưng khi lớn lên, đọc lại kinh Thánh, tôi thấy hay quá ông ạ. Lời kinh an ủi, vỗ về con người trong khổ đau, trong bước đường hoạn nạn, khi gặp cam go chìm nổi, tìm được yên bình để chịu đựng mà hy vọng quá khỏi nghịch cảnh.

Ông bạn cười, nói:

- Tôi thấy nhà bác thờ Phật, mà lại nói chuyện Chúa rành rẽ. Bác có theo đạo Cao Đài hay không?

- Không phải đạo Cao Đài, nhưng Phật Chúa gì cũng hoan nghênh. Bà xã tôi vẫn thường đi chùa. Ngày xưa khi còn trong quân đội, đóng quân giữa núi rừng, mẹ tôi gởi cho mấy bộ kinh Phật, không có sách vở, báo chí, buồn mà đọc chơi. Không có tâm tu hành, nhưng đọc mãi, nó thấm vào trong tư tưởng lúc nào không hay. Bởi vậy, tôi có quan niệm rất rõ ràng về sự sống, cái chết, và bình tĩnh đón nhận như một lẽ thường của trời đất, tạo hóa.

Hai người đang nói chuyện, thì có bà bạn ghé chơi. Bà này yêu cầu ông Tư và bạn ông đóng tiền để mua đất chôn cất và xây mộ cho một người đồng hương Việt Nam nghèo mới chết. Gia đình không đủ tiền để làm ma chay và mua đất chôn ở nghĩa trang. Ông Tư móc ví, đóng ba chục đồng, và nói:

- Kêu gọi thì tôi đóng tiền, chứ thực tình trong lòng tôi nghĩ khác. Chết thì hỏa thiêu là đẹp nhất, tốt nhất và lại vệ sinh. Chôn xuống đất cho dòi bọ nó rúc rĩa, cho sinh thối chứ có được gì. Một vạn xác, mới có một cái không thối rữa, mà cũng khô đét nằm nhăn nhó ra, hôi hám xấu xí. Nằm chật chội trong tối tăm âm u, dưới đất lạnh lẽo, chứ có sung sướng gì đâu. Rồi lâu ngày, thịt da cũng rữa, xưng cũng mục.

Được bao nhiêu năm? Mà cứ nghĩ kỹ xem, nếu mỗi người chết phải có một nắm mồ chường hai triệu vuông, thì trên bề mặt này từ triệu năm trước đến nay, và nhiều triệu năm sau nữa, tỉ tỉ người đã chết và sẽ chết, lấy đâu ra đất mà chôn. Không lẽ cả thế giới này chẳng còn một tấc đất mà trồng trọt, nhin đói chết hay sao? Nhiều xứ vẫn minh hiện nay, người ta thiêu xác. Bên Nhật, bên Tàu, Ấn Độ và nhiều xứ khác nữa, người chết được hỏa thiêu. Đạo Phật chính tông, thì cách táng ni đều được hỏa táng, nhưng những người theo đạo Phật nửa vời, thì lại chôn cất. Bày đặt ma chay linh đình cho thêm tốn kém.

Bạn ông Tư hỏi:

- Có phải người theo đạo Chúa không dám hỏa táng? Nghe đã họ tin vào

ngày phán xét cuối cùng, và được sống lại. Bởi vậy nên phải giữ thân thể, không muốn thiêu tan thành tro bụi.

Ông Tư cười lớn nói:

- Chờ đến ngày phán xét cuối cùng, thì sắt đá cũng đã mủn ra tro bụi, nói chi đến cái thân xác mong manh? Có lẽ những kẻ mê tín, kém hiểu biết, diễn dịch sai ý nghĩa của kinh Thánh chẳng? Mà dù cho xương cốt có còn, thì cũng chỉ là bộ xương cũ mục, làm sao mà sống lại trên bộ xương đó được?

- Nghe đâu các nghĩa trang cũng chỉ bán đất trong vòng một trăm năm thôi – Bà bạn bàn thêm – Sau một trăm năm thì không biết họ có đào lên, đem chôn ở hố tập thể, hoặc đem thiêu đốt đi chẳng? Nhưng khi mua đất chôn, thân nhân, không nghe ai nói đến điều này. Mà dù cho chủ nghĩa trang có hứa miệng là bán đất vĩnh viễn, thì sau một trăm năm, họ đào bỏ đi, cũng chẳng ai hoài công đi kiện. Lời hứa trăm năm trước con cháu không nghe, không còn chứng cứ. cả người hứa hẹn lẫn người nghe hứa hẹn, đã chết từ lâu. Mà có lẽ con cháu cũng vì lo làm ăn, sinh kế, đi tứ tán, không ai còn đoái hoài chi đến mấy ngôi mộ của tiền nhân trong các nghĩa trang đây đó.

Bạn ông Tư nói:

- Trong phim tài liệu về Tây Tạng, ở đó đạo Phật là quốc giáo, ông Phật sống cai trị dân như vua. Khi có người chết, thì họ quàng dây kéo lê lên núi, sau đó mấy ông chuyên môn chặt xác chết ra nhiều khúc, và ném cho chim kên kên ăn. Trông khiếp lắm. Không biết họ làm như thế, có đau lòng thân nhân? Rõ như câu nguyên rủa ở xứ mình là "chi tha quạ rĩa".

- Chẳng có đau lòng chi cả - Ông Tư bàn thêm – Bên đó toàn đá núi cứng. Muốn đào đá ra làm huyệt mộ cũng quá cực khổ. Thân nhân người chết, đâu có muốn chôn cất đến mấy cũng không ai làm nổi việc đó. Cho chim ăn là tiện nhất. Có điều; không biết làm sao chim kên kên không lây bệnh người chết, biết bao nhiêu là bệnh nan y, vi trùng, vi khuẩn. Bởi thế, nên tôi cho hỏa thiêu là sạch sẽ và tiện lợi nhất.

(Còn tiếp 1 kỳ)

